

DIEN QUANG ANNUAL REPORT

2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

· THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
· TẦM NHÌN - SỨ MẠNG - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	5
· MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ ĐIỆN QUANG	6
· TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	16
· BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
· BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33
· BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	38
· HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	42
· BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010	47
· HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG	71

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý vị Cổ Đông, quý Nhà Đầu tư kính mến,

Năm 2010 đã khép lại với nhiều thành công của Điện Quang. Dù nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, tuy nhiên các chỉ số chính của Điện Quang đều tăng trưởng: doanh thu tăng hơn 25% và lợi nhuận tăng hơn 8 lần so với năm 2009, bản sắc văn hoá Điện Quang ngày càng được hoàn thiện và phát huy, hoạt động của Điện Quang ngày càng đi vào chuyên nghiệp và có tính hệ thống cao.

Có được những kết quả đáng khích lệ này, trước hết phải kể đến sự quan tâm, ủng hộ của các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, cùng với

Sự ủng hộ to lớn của quý khách hàng, quý cổ đông đã đồng hành cùng Điện Quang suốt thời gian qua; bên cạnh đó là những nỗ lực, quyết tâm của tập thể người lao động cùng với sự điều hành thường xuyên và kịp thời của Hội đồng quản trị.

Năm 2011 được đánh giá sẽ còn nhiều khó khăn phía trước khi thị trường bất động sản sẽ lặng sóng nhưng với bề dày hoạt động trên 35 năm, sở hữu một thương hiệu lớn, uy tín, kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo và sức trẻ của đội ngũ nhân viên, tôi tự tin con thuyền Điện Quang sẽ vững vàng ra khơi để mang những sản phẩm với thương hiệu Điện Quang đến mọi miền đất nước và những thị trường xuất khẩu tiềm năng.

Với khẩu hiệu của năm: Chất lượng - Dịch vụ - Đẳng cấp Thương hiệu, các hoạt động trong năm 2011 của Điện Quang sẽ hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, nhằm đem lại những giá trị lợi ích cao nhất cho Khách Hàng, Cổ Đông và Người Lao Động.

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang, tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan hữu quan, quý Cổ Đông, quý Khách Hàng đã tin tưởng và ủng hộ Điện Quang trong những năm vừa qua.

Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chúc Điện Quang ngày càng phát triển thịnh vượng và bền vững!

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

CHỦ TỊCH



HỒ QUỲNH HƯƠNG



KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ VIỆT

điện quang

TỰ HÀO LÀ DOANH NGHIỆP TIÊN PHONG
XUẤT KHẨU CÔNG NGHỆ VIỆT RA THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

" SÁNG TẠO - RỘNG LƯỢNG - TRÁCH NHIỆM "

TẦM NHÌN ĐIỆN QUANG

Điện Quang định hướng phát triển theo mô hình tập đoàn đa quốc gia chuyên sâu trong lĩnh vực chiếu sáng và thiết bị điện.

SỨ MỆNH ĐIỆN QUANG

Điện Quang cam kết mang đến cho người tiêu dùng các sản phẩm "An toàn - Tiết kiệm – Thân thiện môi trường".

Điện Quang cam kết mang đến sự thỏa mãn tốt nhất cho khách hàng.

Điện Quang coi con người là tài sản quý giá nhất, là nhân tố quyết định tạo nên sự thành công.

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ ĐIỆN QUANG

- Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 127/QĐ-BCN ngày 10 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 2 năm 2005.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 ngày 13 tháng 4 năm 2007, lần thứ 2 ngày 13 tháng 11 năm 2007, lần thứ 3 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và lần thứ 4 ngày 16 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 0300363808 đã ký ngày 15 tháng 06 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Vốn góp đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính 31/12/2010: 244.246.790.000 đồng.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



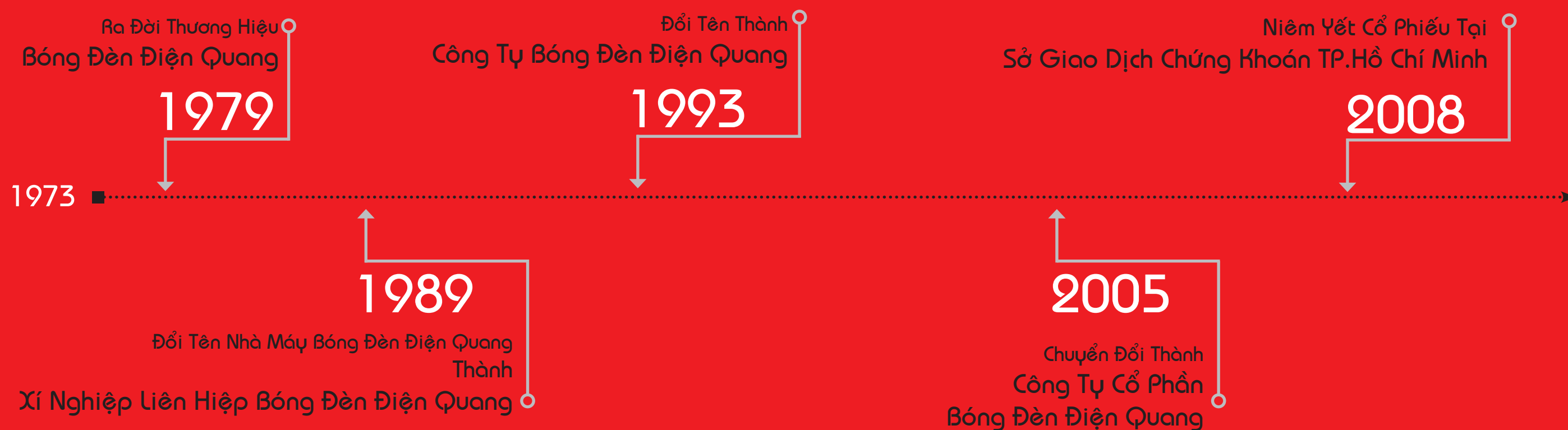
- Sản xuất, mua bán các loại bóng đèn, ballast, starter, dây điện, trang thiết bị chiếu sáng, ống thủy tinh và sản phẩm thủy tinh các loại.
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị chiếu sáng, thiết bị dân dụng và công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Môi giới thương mại.
- Kinh doanh lẻ hành nội địa và quốc tế.
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung – hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng công nghiệp, dân dụng, hệ thống điện lạnh, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước, hệ thống điện tự động hóa, hệ thống điện thông tin.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Đào tạo nghề.

NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG (Lịch sử hình thành và phát triển Điện Quang)

Bắt Đầu Hình Thành Từ Năm

1973

NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG (Lịch sử hình thành và phát triển Điện Quang)



NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân Chương Độc Lập



Chứng Nhận Hàng Việt Nam
Chất lượng Cao



Giải Thưởng Sao Vàng Đất Việt 2008

- Huân chương Độc lập hạng Ba.
- Huân chương Lao động hạng Nhất.
- Cờ luân lưu của Chính phủ các năm 1997, 1998, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010.
- 13 Huy Chương Vàng tại Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.
- Liên tục 15 năm liền được bình chọn là Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao (do người tiêu dùng bình chọn), trong đó 7 năm liền được xếp hạng trong danh sách TOPTEN Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao.
- 4 năm liền được bình chọn danh hiệu “100 thương hiệu mạnh” Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do Báo SGTT tổ chức.
- Giải thưởng Business Excellence Award 2006 do các Cơ quan Thương vụ của Việt Nam tại nước ngoài bình chọn.
- Liên tục từ năm 2003 đến nay, Điện Quang liên tục nhận được giải thưởng Sao vàng Đất Việt do Trung ương hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng.
- Năm 2006, Điện Quang là doanh nghiệp đầu ngành được lựa chọn tham gia vào chương trình “20 thương hiệu hạt giống” và chương trình “Sản phẩm công nghiệp chủ lực Tp.HCM” do Ủy ban Nhân dân Tp.HCM - ITPC tổ chức. Đây là chương trình trọng điểm hướng đến các doanh nghiệp đã có thể mạnh về chiến lược thương hiệu,

có thị trường xuất khẩu .v.v. để hỗ trợ doanh nghiệp trở thành các đơn vị chủ lực, đầu tàu cho sự phát triển của kinh tế Tp.HCM.

- Năm 2008-2010, thương hiệu Điện Quang 2 lần liên tiếp được Chính phủ công nhận là “Thương hiệu Quốc gia”, được sử dụng biểu tượng Vietnam Value trong các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia tại Việt Nam và trên thế giới.
- Năm 2009, Đạt giải thưởng cúp vàng Thương hiệu – Sản phẩm – Uy tín – Chất lượng. Đồng thời trong năm Điện Quang được chứng nhận đạt giải thưởng thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2009 và danh hiệu TOP 100 doanh nghiệp niêm yết hàng đầu VN dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Năm 2010, Điện Quang đạt giải thưởng hội nhập kinh tế quốc tế lần 2 do UB Quốc gia và hợp tác Quốc tế bình chọn. Được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương đã có thành tích xuất sắc trong chương trình “Hàng Việt về nông thôn”.
- Năm 2010 là năm sản phẩm chiếu sáng chủ lực của Điện Quang được Bộ Công thương cấp giấy chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng “Ngôi sao năng lượng Việt”.
- Năm 2011, sản phẩm chiếu sáng chủ lực của Điện Quang tiếp tục được chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Nhãn xanh Việt Nam” – chứng nhận sản phẩm thân thiện môi trường do Bộ Tài nguyên Môi trường cấp.



Cúp vàng thương hiệu công nghiệp
hàng đầu Việt Nam



Cúp vàng thương hiệu công nghiệp
hàng đầu Việt Nam



Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp
chủ lực của thành phố Hồ Chí Minh

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

ĐÈN HUỖNH QUANG TIẾT KIỆM ĐIỆN (T10 / T8 / T9 / T5)

- Đạt tiêu chuẩn CE – châu Âu.
- Đa dạng sản phẩm cho từng nhu cầu với các nhãn hiệu Điện Quang, Điện Quang Maxx .v.v.
- Đa dạng nguồn sáng: Daylight, Signlight .v.v.

ĐÈN COMPACT SIÊU TIẾT KIỆM ĐIỆN

- Đa dạng công suất (từ 5w đến 110w).
- Đa dạng kiểu dáng (từ 2U, 3U, 4U, 6U và xoắn).
- Độ bền đến 8.000 giờ. Tiết kiệm 80% so với bóng sợi đốt.

ĐÈN COMPACT SIÊU BỀN MAXX 10.000H

- Công nghệ IC cao cấp trong ballast điện tử.
- Độ bền đến 10.000 giờ.
- Kiểu dáng cao cấp, thẩm mỹ.

ĐÈN COMPACT CHUYÊN DÙNG – CHỐNG ẨM

- Công nghệ thiết kế kín tuyệt đối, chống ẩm 100%.
- Phù hợp với chiếu sáng ngoài trời, trong môi trường có độ ẩm cao.
- Phục vụ chiếu sáng trong ngành nông nghiệp (kích thích hoa, cây thanh long sinh trưởng trái vụ), nuôi trồng thủy sản.



ĐÈN COMPACT CÔNG SUẤT LỚN

- Độ bền đến 8.000 giờ.
- Công suất chiếu sáng lớn, duy nhất tại Việt Nam công suất đến 110w.
- Phù hợp với chiếu sáng nhà xưởng, chiếu sáng công cộng, .v.v.

ĐÈN DOUBLE WING 36X2

- Thiết kế thẩm mỹ - tiết kiệm điện.
- Sáng và thẩm mỹ hơn 2 bộ đèn thông thường.
- Độ bền đến 6.000 giờ.

MĂNG ĐÈN DẪN DUNG

- Đạt tiêu chuẩn TCVN.
- Đa dạng kiểu dáng, thẩm mỹ cao.
- Thiết kế có hiệu suất phản quang cao.

BALLAST ĐIỆN TỬ / ĐIỆN TỬ

- Đạt tiêu chuẩn TCVN.
- Tiết kiệm điện cao, đạt chuẩn tiết kiệm năng lượng quốc gia.

Ổ CẮM CHỊU NHIỆT

- Đạt tiêu chuẩn an toàn cao, làm từ nhựa chịu nhiệt ABS.
- Chống rò rỉ điện, chịu tải cao, an toàn tuyệt đối.
- Phù hợp với tất cả các kiểu phích cắm.

CHÓA ĐÈN CÁC LOẠI

- Đạt tiêu chuẩn TCVN.
- Đa dạng về mẫu mã và chủng loại.
- Có tính thẩm mỹ cao.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



TRỤ SỞ VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. HCM
Điện Thoại: +84.8.38290135
Fax: +84.8.38251518
Email: info@dienquang.com
Website: www.dienquang.com

điện quang



Ở ĐÂU CÓ ĐIỆN, Ở ĐÓ CÓ ĐIỆN QUANG

XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC

XÍ NGHIỆP ĐÈN ỒNG

Địa chỉ: Đường số 3, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Các mặt hàng sản xuất:

Các loại bóng đèn huỳnh quang, compact, và các bán thành phẩm.

XÍ NGHIỆP ỒNG THỦY TINH

Địa chỉ: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa, Đồng Nai

Các mặt hàng sản xuất:

Đèn tròn, ống thủy tinh, máng, chóa và các bán thành phẩm đầu đèn dây dẫn.

CHI NHÁNH ĐỒNG AN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng An, Tỉnh Bình Dương.

Các mặt hàng sản xuất:

Các loại bóng đèn huỳnh quang, compact, ballast...

XÍ NGHIỆP THỦY TINH PHẢ LẠI

Địa chỉ: Thị trấn Phả Lại, Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương

Các mặt hàng sản xuất:

Bóng đèn huỳnh quang và thủy tinh các loại.

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI ĐIỆN QUANG (DQD)

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ phân phối, kinh doanh các mặt hàng sản xuất của Công ty như: bóng đèn, ballast, starte, dây điện...và các mặt hàng khác theo định hướng của Điện Quang.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN QUANG (DQI)

Địa chỉ: 48 đường 7A, Phường 8, Quận 11, Tp. HCM

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa, cao su, bóng đèn, thiết bị điện...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN QUANG (DQX)

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, Q.1, Tp.HCM

Ngành nghề kinh doanh:

- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung – hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng công nghiệp, dân dụng.
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phụ tùng ngành chiếu sáng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐIỆN QUANG (DQE)

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, Q.1, Tp.HCM

Ngành nghề kinh doanh:

Tư vấn – thiết kế - cung cấp các giải pháp chiếu sáng & kỹ thuật điện tiết kiệm và hiệu quả, lắp đặt – thi công hệ thống điện Trung – Hạ thế đến 35KVA, thi công các giải pháp, hệ thống điện & điều khiển; hệ thống nhiệt lạnh; hệ thống đường ống năng lượng, xây dựng dân dụng & công nghiệp .v.v.,

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN QUANG (DQT)

Địa chỉ: 259 Đường 3/2, phường 10 quận 10, Tp. HCM

Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán, lắp đặt thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện – điện tử và linh kiện phụ tùng, mua bán hóa chất, xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, môi giới thương mại, đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa, đào tạo nghề...

MẠNG LƯỚI TIÊU THỤ

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA:

Với phương châm “Ở đâu có điện, ở đó có Điện Quang”, Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối với hàng trăm đại lý ở khắp 63 tỉnh thành, chăm sóc trên 15.000 khách hàng thuộc hệ thống kinh doanh điện gia dụng, thông qua 4 trung tâm phân phối và bảo hành của Điện Quang từ Bắc đến Nam.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU:

Trải qua giai đoạn 15 năm từ năm 1996-2010, hoạt động xuất khẩu của Điện Quang luôn có những bước phát triển rõ rệt: từ những sản phẩm truyền thống là đèn huỳnh quang, đèn tròn, ballast, ổ cắm với thị trường xuất khẩu chủ yếu là Châu Á, Châu Phi và Trung Đông cho tới nay Điện Quang đã xuất khẩu các dòng sản phẩm có công nghệ cao như đèn compact tiết kiệm điện, đèn dimable sang thị trường EU và Châu Mỹ. Tất cả các sản phẩm xuất khẩu đều là các sản phẩm mang thương hiệu của chính Điện Quang. Đặc biệt trong năm 2010 Điện Quang tự hào là một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam xuất khẩu được công nghệ Việt Nam ra thị trường thế giới.

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN QUANG SCOPE

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương

Lĩnh vực kinh doanh:

Lắp ráp linh kiện và bo mạch điện tử.

CÔNG TY LIÊN DOANH VIETVEN

Địa chỉ: The Paraguaná Industrial, Commercial and Services Free Trade Zone, Punto Fijo, Falcon State, Bolivarian Republic of Venezuela

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh bóng đèn tiết kiệm điện.



GIỚI THIỆU NHÂN SỰ CẤP CAO VÀ BAN KIỂM SOÁT

ÔNG HỒ QUỲNH HƯNG

Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang

Tham gia thành viên HĐQT từ 13/04/2009 đến ngày 17/05/2010 ông được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang.

Ông Hồ Quỳnh Hưng, tốt nghiệp Đại Học Bách Khoa TP HCM chuyên ngành Khoa học máy tính năm 1994, Đại học Mở Tp. HCM chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh năm 1995.

Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang ông đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Năm 2004 ông công tác tại Công ty TNHH Việt (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Điện Quang) giữ cương vị Giám đốc công ty. Đến năm 2009 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Đồng An - Công Ty Cổ Phần Bóng Đèn Điện Quang. Đến tháng 5/2010 ông được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Bóng Đèn Điện Quang.

ÔNG PHẠM MINH THẮNG

Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang

Tham gia là thành viên HĐQT từ ngày 20/01/2007, đến ngày 27/05/2008 ông được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang.

Ông Phạm Minh Thắng tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh doanh Quốc tế tại Học Viện Công Nghệ Châu Á. Trước khi gia nhập Công ty Bóng đèn Điện Quang ông đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực chiến lược kinh doanh, tiếp thị, marketing và đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng. Từ 03/2006 – 2/2007 ông đảm nhận chức vụ Giám đốc Điều hành, kiêm Giám đốc Bán hàng toàn Quốc, Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang. Từ 03/2007 ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang.

Trong năm 2010 Công ty có tiến hành bầu lại Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty do Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc tiền nhiệm là bà Hồ Thị Kim Thoa được bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Công Thương.

BÀ NGUYỄN THỊ KIM VINH

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang

Tham gia thành viên HĐQT từ 02/2005. Bà Nguyễn Thị Kim Vinh tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh, trường Đại học Công Đoàn. Trong thời gian công tác tại Công ty Bóng đèn Điện Quang bà đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng đến tháng 5/2010 bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang.

BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN

Thành viên HĐQT

Tham gia thành viên HĐQT từ 04/2009. Tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế ngành Kế toán Đại học Kinh tế, Tp. HCM. Thạc sĩ Tài chính Đại học Dauphine (Pháp), bà từng đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty Prezioso-Pháp từ năm 1996 đến 1998. Từ năm 1998-2006 công tác tại Công ty Espace Bourbon An Lạc (Big C) qua các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính. Từ 2006 đến nay, bà công tác tại Quỹ đầu tư Jaccar (Jaccar Holdings) với cương vị Tổng Giám đốc.



ÔNG HỒ VĨNH PHƯƠNG

Thành viên HĐQT

Tham gia thành viên HĐQT từ 05/2008, trước đó ông là thành viên Ban Kiểm Soát từ 20/01/2007. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính tại Đại học New South Wales (Úc) vào năm 2010 và đã công tác nhiều năm trong ngành tài chính, chứng khoán. Với 9 năm công tác tại Công ty Chứng khoán Bảo Việt Chi nhánh Tp. HCM, ông từng giữ các chức vụ Trưởng phòng tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, Phó Giám đốc phụ trách hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Hiện nay ông đang là Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội.

ÔNG DƯƠNG HỒ THẮNG

Thành viên HĐQT

Tham gia HĐQT từ tháng 02/2005. Ông Dương Hồ Thắng tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Học viện Tài chính Hà Nội. Thời gian làm việc từ tháng 07/2002 cho đến nay tại Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang, ông đã trải nghiệm qua nhiều vị trí quan trọng trong Công ty. Đến tháng 7/2006 ông được bổ nhiệm nắm giữ vị trí Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang cho đến nay.

BÀ NGUYỄN HOÀNG ANH

Trưởng Ban Kiểm soát

Tham gia Ban kiểm soát từ tháng 5/2010. Bà tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tài chính kế toán tại Đại học Tài chính – Kế toán Tp. HCM năm 1997. Gia nhập Điện Quang từ 1999, trong quá trình làm việc bà đã đảm nhận các vị trí: Phó Giám đốc Kế hoạch Vật tư, Phó Quản trị dự án ERP. Đến năm 2009 bà được bổ nhiệm làm Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang.

ÔNG NGUYỄN BẮC SƠN

Thành viên Ban Kiểm Soát

Tham gia thành viên BKS từ tháng 01/2005. Ông tốt nghiệp Cử nhân Luật trường Đại học Luật Tp. HCM. Gia nhập Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang từ năm 2000, trong quá trình công tác ông lần lượt đảm nhiệm các vị trí: Phó Giám đốc Đầu tư và Phát triển, Phó Giám đốc Bán hàng Công ty. Đến năm 2005 ông được bổ nhiệm làm Quyền Giám đốc Marketing Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang.

ÔNG NGÔ ĐỨC THỌ

Thành viên Ban Kiểm Soát

Tham gia thành viên BKS từ năm 2010. Ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Tháng 3/2006 ông gia nhập Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang, công tác tại Phòng Kế hoạch vật tư. Đến tháng 3/2009 ông được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Xuất nhập khẩu, Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang.



LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP

1. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2010: 1138 người. Trong đó:

- Cán bộ quản lý: 128 người
- Nhân viên ký hợp đồng lao động trên 1 năm: 1012 người
- Lao động thời vụ: 126 người

2. TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

Trên đại học: 8 người.

Đại học, cao đẳng: 198 người.

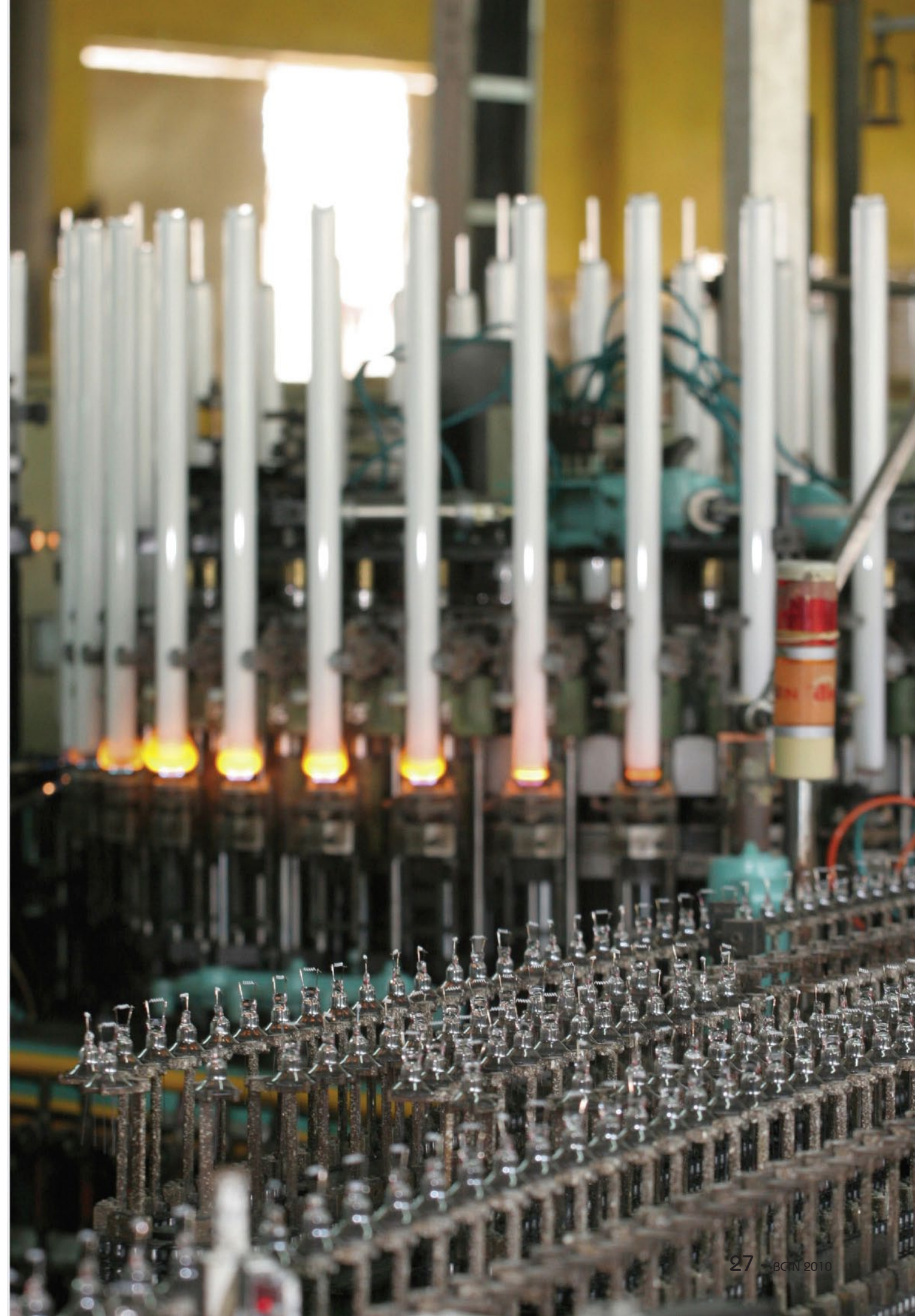
Trung cấp: 90 người

Phổ thông: 842 người

3. THU NHẬP NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tiền lương và tiền thưởng của người lao động được tính toán dựa trên Quy chế lương thưởng do HĐQT ban hành trên cơ sở đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và phù hợp với mức độ đóng góp cho Công ty. Thu nhập bình quân người lao động năm 2010 đạt 3.600.000 đồng/người tăng 10% so với năm 2009.

Bên cạnh đó, để gắn kết lợi ích của Công ty với quyền lợi của những lao động cấp cao, những cá nhân giỏi, xuất sắc cũng như để thu hút được những cán bộ quản lý có năng lực, Điện Quang đã và đang triển khai chương trình phúc lợi cổ phiếu thưởng cho người lao động (ESOP). Giám sát quá trình phân phối cổ phiếu thuộc chương trình ESOP và đánh giá hiệu quả của chương trình luôn được HĐQT đặc biệt quan tâm.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2010 đạt 583 tỷ đồng, tăng trưởng 25,25% so với kết quả thực hiện năm 2009 và bằng 67,17% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu nội địa đạt 372 tỷ đồng tăng trưởng 8,66% so với năm 2009. Doanh thu xuất khẩu đạt 211 tỷ đồng tăng trưởng 65,92% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 45,4 tỷ đồng tăng 764,5% so với năm 2009 và đạt 101% kế hoạch năm.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Mặc dù không đạt doanh thu như kỳ vọng của Hội đồng Quản trị (tăng trưởng 30%) nhưng doanh thu thị trường nội địa vẫn có sự tăng trưởng, cụ thể như sau:

Cơ cấu sản phẩm tiêu thụ đã có những cải tiến rõ rệt, tốc độ tăng trưởng tập trung vào những dòng sản phẩm mang lại lợi nhuận cao, thị trường rộng và tăng trưởng bền vững như: đèn compact tiết kiệm điện, đèn compact công suất lớn, phích cắm và ổ cắm điện, giảm dần các đèn sợi đốt tổn hao nhiều điện năng và gây ô nhiễm môi trường.

Tham gia các chương trình “Hàng Việt về nông thôn”, để tuyên truyền sâu rộng chủ chương “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của Bộ Chính trị phát động.

Điện Quang đã kết hợp cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thực hiện thành công chương trình “Thay 1 triệu bóng đèn sợi đốt bằng đèn compact tiết kiệm điện cho người nghèo”. Chương trình này là một kênh quảng bá quan trọng giúp nâng cao hình ảnh, thương hiệu và chất lượng Điện Quang đến với các vùng sâu, vùng xa.

Định hướng lại các chương trình marketing, chương trình khuyến mãi nhằm hướng đến đúng đối tượng đã phát huy hiệu quả đáng kể, đóng góp vào mức tăng trưởng doanh thu bền vững cho Công ty trong năm vừa qua.

2. THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Doanh thu xuất khẩu tăng trưởng 65,92% so với năm 2009.

Hiệu quả của công tác xuất khẩu cao, đem lại lợi nhuận đáng kể và có đóng góp lớn vào kết quả chung của Công ty.

Các thị trường xuất khẩu truyền thống như Myanmar, Brazil, Venezuela và Ai Cập được duy trì tốt.

Công tác tìm kiếm thị trường mới được chú trọng, bước đầu đã có những thành công và triển vọng ở các thị trường mới như: Panama, Nga, Balan...

3. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

Ngay từ năm 2000, Điện Quang đã đề ra chiến lược sản phẩm:

“AN TOÀN – TIẾT KIỆM – THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG”

- Chiến lược này đã thể hiện sự đúng đắn ngay từ khi triển khai vì phù hợp với xu thế chung của Việt Nam và trên thế giới. Đây cũng được coi là tiền đề rất cơ bản để sản phẩm của Điện Quang có thể tiếp cận và thâm nhập vào các thị trường đòi hỏi các tiêu chuẩn an toàn và môi trường khắt khe như Châu Âu, Bắc Mỹ.

“AN TOÀN”

- Nhiều sản phẩm Điện Quang đã đạt tiêu chuẩn dán nhãn CE, là tiêu chuẩn an toàn rất khắt khe của EU.

"TIẾT KIỆM"

- Cùng với sản phẩm đèn huỳnh quang và ballast điện tử, các sản phẩm đèn compact của Điện Quang được công nhận đạt chuẩn tiết kiệm Quốc gia, thông qua việc được Bộ Công Thương cấp nhãn "Ngôi sao năng lượng Việt".



"THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG"

- Điện Quang là một trong hai đơn vị đầu tiên của Việt Nam, cùng với Proter & Gamble (doanh nghiệp của Mỹ đầu tư tại Việt Nam) được Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp Nhãn xanh Việt Nam, chứng nhận sản phẩm thân thiện môi trường.



53/QĐ-TCMT-2011

4. HỢP LÝ HÓA SẢN XUẤT VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Thành công chung của thị trường nội địa và xuất khẩu có sự đóng góp không nhỏ trong công tác hợp lý hóa

qui trình sản xuất, giúp giảm giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm trên thị trường. Một số thành tích nổi bật trong công tác kiểm soát chất lượng năm 2010:

Tỷ lệ lọt lưới thấp hơn mục tiêu được giao, như đèn huỳnh quang đạt 0,27%, ballast từ 0,32%, đèn tròn 0,1%.

Tỷ lệ đồ tốt dây chuyền được nâng cao và vượt các chỉ tiêu đề ra. Đặc biệt là dây chuyền huỳnh quang và dây chuyền vỏ bóng compact.

5. CÔNG TÁC SÁNG KIẾN CẢI TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Nhận thức được lợi thế cạnh tranh trong việc đưa ra thị trường các sản phẩm có tính năng khác biệt và vượt trội, trong năm qua Điện Quang đã mạnh dạn đầu tư vào công tác cải tiến và phát triển sản phẩm mới với 15 sản phẩm được đưa vào nghiên cứu và cải tiến trong đó đưa vào thương mại hóa được 10 sản phẩm. Một số sản phẩm mới tiêu biểu đã được Điện Quang nghiên cứu thành công và đưa vào thương mại hóa trong năm như:

- Đèn Compact MaxX siêu bền – siêu tiết kiệm, tuổi thọ lên đến 10000 giờ (gần gấp đôi sản phẩm thông thường trên thị trường), phù hợp với các công trình xây dựng cao cấp.
- Dòng compact chống ẩm với thiết kế kín tuyệt đối, có tính năng vượt trội, đã tạo được dấu ấn trên thị trường. Dòng sản phẩm này được ứng dụng nhiều trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và các công trình ngoài trời.

6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Trong năm 2010 hoạt động dự án, đầu tư ra nước ngoài đã đạt được những kết quả đáng khích lệ:

- Thành công trong việc ký kết hợp đồng xuất khẩu công nghệ ra nước ngoài
- Hoàn tất việc ký kết hợp đồng tổng thầu EPC để xây dựng nhà máy sản xuất bóng đèn tiết kiệm điện tại Venezuela.

Đến nay, các kế hoạch của dự án đang được triển khai theo đúng tiến độ.

7. QUẢN LÝ VÀ THU HỒI CÔNG NỢ CUBA

Việc thu hồi công nợ Cuba luôn được Công ty chú trọng thông qua các hoạt động đàm phán trực tiếp tại nước bạn và các thư thông báo nợ. Thành công nhảy vọt trong năm 2010 liên quan đến khoản nợ này là phía Cuba đã cùng với Điện Quang ký kết lại Cam kết trả nợ mới. Theo đó, phía bạn bắt đầu trả nợ từ tháng 01/2011.

8. THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

- Được Bộ Công thương đề nghị Chính Phủ tặng cờ thi đua của Chính Phủ cho "đơn vị dẫn đầu thi đua năm 2010".
- Được Chính Phủ công nhận là Thương hiệu Quốc gia kỳ thứ 2 liên tiếp.
- Năm thứ 15 liên tiếp được công nhận là hàng Việt Nam Chất Lượng Cao.

- Tiếp tục được trao giải Sao Vàng Đất Việt, một giải thưởng có uy tín hàng năm.



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

Tập trung phát triển sâu rộng ngành chiếu sáng, trong đó ưu tiên tập trung phát triển các sản phẩm theo hướng “An toàn – Tiết kiệm – Thân thiện Môi trường”.

Tận dụng hệ thống phân phối hiện có để đa dạng hóa mặt hàng sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Đẩy mạnh tiêu thụ không chỉ ở thị trường nội địa mà cả quốc tế.

TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC

1. GIỮ VỮNG VỊ THẾ LÀ NHÀ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CHIẾU SÁNG SỐ 1 TẠI VIỆT NAM

Chiến lược sản phẩm:

Tiếp tục theo đuổi chiến lược đã và đang áp dụng thành công tại Điện Quang trong thời gian vừa qua là tập trung vào nhóm các sản phẩm chiếu sáng tiết kiệm điện, an toàn và thân thiện với môi trường.

Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: Công ty sẽ tiếp tục đầu tư về nhân lực và vật lực trong công tác nghiên cứu phát triển để đảm bảo sản phẩm của Công ty luôn được đổi mới kịp thời phù hợp với xu thế của thế giới. Sản phẩm đổi mới được phát triển theo hướng đa dạng có tính năng khác biệt, vượt trội so với các sản phẩm khác trên thị trường.

Chính sách bán hàng:

Tiếp tục xây dựng hệ thống phân phối chuyên nghiệp, hiệu quả, hướng đến dịch vụ cao nhất cho khách hàng.

Ngoài kênh phân phối truyền thống, đẩy mạnh các kênh phân phối hiện đại như siêu thị, dự án, công trình.

Công tác thương hiệu: củng cố và phát triển thương hiệu Điện Quang lên một tầm cao mới. Đảm bảo giữ vị trí số một về độ nhận biết Thương hiệu trong lĩnh vực chiếu sáng.

2. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XUẤT KHẨU

Xuất khẩu sản phẩm mang Thương hiệu Điện Quang.

Ưu tiên tập trung các thị trường chưa có thương hiệu nội địa hoặc thương hiệu nội địa không mạnh hơn như Trung và Nam Mỹ, Châu Phi, Nam Á.

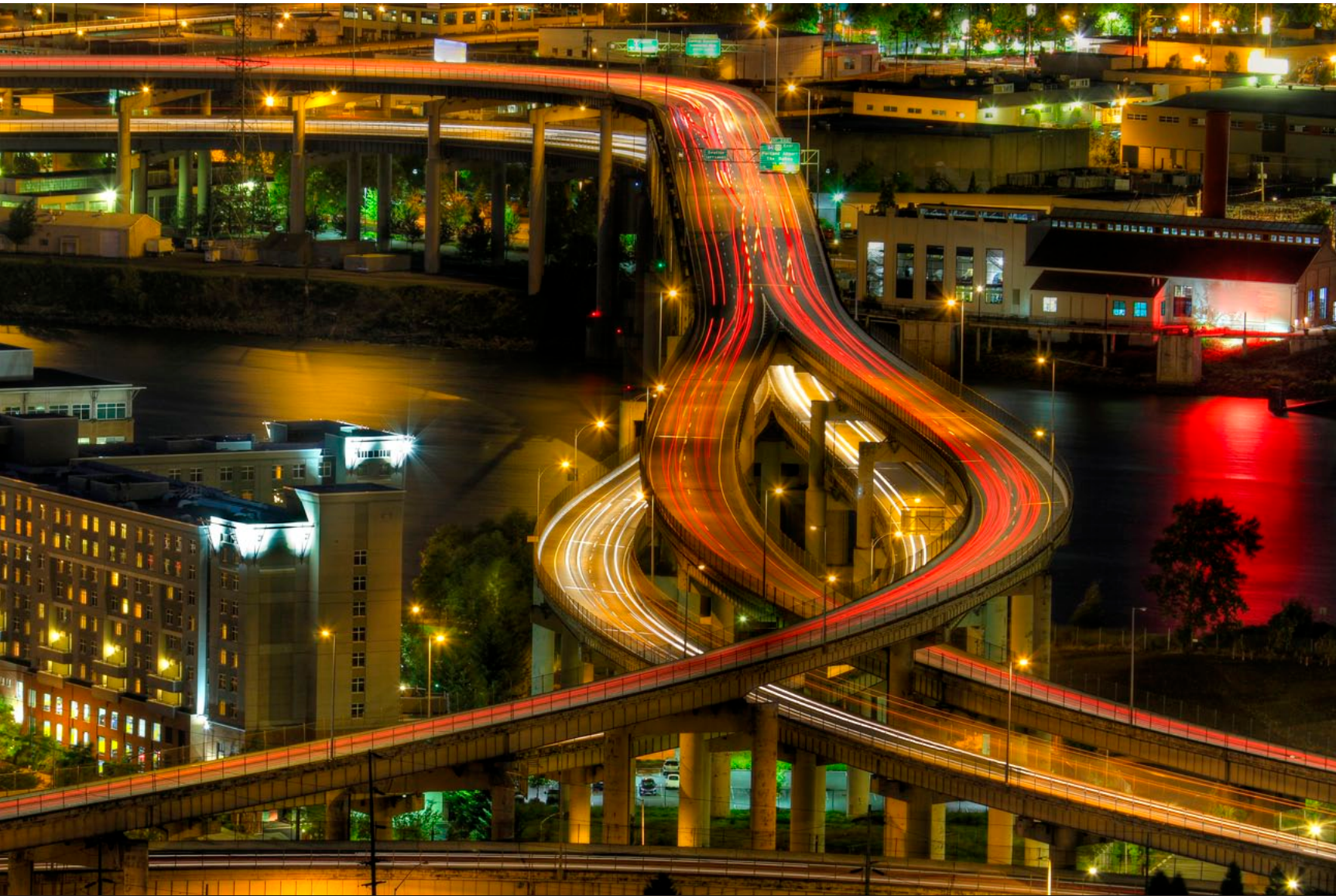
Ngoài xuất khẩu sản phẩm, có thể xúc tiến xuất khẩu công nghệ nếu thị trường phù hợp.

Nghiên cứu xây dựng hệ thống phân phối của Điện Quang tại các thị trường có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam như: Myanmar, Lào, Campuchia.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Mặc dù kinh tế vĩ mô trong năm 2010 vẫn còn nhiều biến động, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm sụt giảm nhưng với những định hướng kịp thời và đúng đắn của Hội đồng Quản trị trong năm 2010 đã mang lại những kết quả rất đáng khích lệ với mức tăng trưởng doanh thu hơn 25% và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 8 lần so với thực hiện của năm 2009. Sự định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị và sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc đã mang lại những kết quả đáng khích lệ trong năm. Bên cạnh việc hợp lý hóa quy trình sản xuất để hạ giá thành sản phẩm, Công ty cũng triển khai hàng loạt các biện pháp như: tối ưu hóa hàng tồn kho, siết chặt tín dụng đối với khách hàng, đánh giá và lựa chọn lại nhà cung cấp, tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới... nhằm đối phó kịp thời với những bất ổn của nền kinh tế nhưng vẫn đảm bảo khả năng phát triển của Công ty. So với năm 2009 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã có sự cải thiện vượt bậc: tỷ lệ lãi gộp/doanh thu đã tăng từ mức 15,25% lên 27,26% và lãi ròng/doanh thu từ 1,13% năm 2009 lên 7,79% trong năm 2010.



CHỈ TIÊU	NĂM 2009			NĂM 2010		
	Thực hiện	% Tăng trưởng	% Doanh thu	Thực hiện	% Tăng trưởng	% Doanh thu
Doanh thu thuần	465.488.608.339	19,35%		583.024.157.136	25,25%	
Lãi gộp	70.995.310.886	74,82%	15,25%	158.907.023.131	123,83%	27,26%
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)	6.623.165.626	218,83%	1,42%	52.810.017.621	697,35%	9,06%
Lãi ròng	5.255.162.390	226,42%	1,13%	45.429.104.499	764,47%	7,79%
EPS (Thu nhập mỗi cổ phiếu)	222			2.258		

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

1. DOANH THU TIÊU THỤ

Thị trường nội địa:

So với năm 2009, doanh thu tiêu thụ tại thị trường nội địa không đạt được mức tăng trưởng 30% như kỳ vọng của HĐQT nhưng trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô còn nhiều biến động ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư và tiêu dùng xã hội thì sự đóng góp của doanh thu nội địa rất đáng được ghi nhận.

Đóng góp đáng kể vào doanh thu của thị trường nội địa vẫn là nhóm sản phẩm bóng đèn tiết kiệm điện với mức tăng trưởng trên 100%. Để đạt được tốc độ tăng trưởng này trong năm Điện Quang đã áp dụng hàng loạt các biện pháp cải tiến đồng bộ:

- Định hướng sản phẩm theo hướng an toàn - tiết kiệm - thân thiện môi trường. Công tác nghiên cứu phát triển để tạo ra các dòng sản phẩm có tính năng khác biệt, vượt trội luôn được công ty xem trọng và đầu tư liên tục.
- Ổn định chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng.
- Ổn định giá bán sản phẩm trên cơ sở cải tiến quy trình sản xuất, nâng cấp hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng.
- Ổn định bộ máy nhân sự bán hàng.
- Cải tiến chất lượng dịch vụ thông qua việc xây dựng quy chế đổi trả mới, đảm bảo giải quyết nhanh chóng và linh hoạt cho khách hàng trong các

chương trình hậu mãi.

- Áp dụng những chương trình khuyến mãi phù hợp vào những mùa cao điểm.
- Cải tiến chính sách đối với các nhà phân phối tạo ra sự đồng hành chặt chẽ giữa Công ty và khách hàng.

Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu xuất khẩu năm 2010 đạt kim ngạch 10,8 triệu USD tăng trưởng 65,92% so với năm 2009.

2. LỢI NHUẬN

Với việc nghiên cứu và đưa vào thương mại hóa thành công một số dòng sản phẩm bóng đèn có mức lãi gộp cao và việc kiểm soát tốt chi phí sản xuất đầu vào trong năm 2010 nên lợi nhuận Công ty trong năm qua đã có mức tăng hơn 8 lần so với năm 2009, trong đó lãi gộp tăng hơn 2 lần tương ứng với mức tỷ trọng lãi gộp/doanh thu tăng từ 15,25% năm 2009 lên 27,26%.

Bên cạnh đó, việc kiểm soát tốt các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý nên tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý/doanh thu thuần của năm 2010 gần như không thay đổi ở mức 16,54% năm 2010 so với 15,54% năm 2009.

Nhận thấy được những bất ổn của nền kinh tế vào những tháng cuối năm 2010 khi lạm phát và lãi suất ngân hàng tăng cao, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện hàng loạt các quyết sách quan trọng như rà soát đánh giá lại dự trữ hợp lý của hàng tồn kho, hạn

chế chính sách bán hàng trả chậm và đàm phán với các nhà cung cấp tăng thời gian cung cấp tín dụng... nhằm giảm đến mức thấp nhất các khoản nợ vay ngân hàng.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hơn 91 tỷ so với mức 22 tỷ của năm 2009. Dòng tiền thuần này đảm bảo cho Công ty trong việc chi trả các khoản nợ vay ngân hàng, chi trả cổ tức cũng như tự tài trợ cho các dự án đầu tư của Công ty.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Hầu hết các Công ty thành viên đều có tinh thần chủ động, sáng tạo trong công việc. Hai Công ty DQT, DQI đã vượt xa chỉ tiêu lợi nhuận, đạt từ 40% - 50% lợi nhuận trên vốn. Các Công ty DQX, DQE có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả cho hoạt động của dự án VietVen. Công ty DQD tiếp tục làm tốt công tác phân phối, giúp đảm bảo giá thành chung cho Công ty.

NHỮNG TỒN TẠI CẦN KHẮC PHỤC

- **Tiêu thụ nội địa:** Doanh thu tuy tăng trưởng nhưng vẫn chưa đạt như mong đợi của Công ty. Những khiếm khuyết trong công tác nghiên cứu thị trường và các chiến lược marketing chưa phù hợp cần sớm được khắc phục để gia tăng hiệu quả hoạt động bán hàng trong tương lai.
- **Công tác xuất khẩu:** Cần chú trọng đến cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng tăng tỷ lệ xuất khẩu hàng có giá trị cao. Bên cạnh việc duy trì sự ổn định ở các thị trường hiện có, tích cực thâm nhập thêm các thị trường mới để giảm thiểu các tác động tiêu cực khi có biến động.
- **Công tác điều độ, kế hoạch:** Cần tuyệt đối tuân thủ các quy định về dự trữ an toàn để đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời vật tư, hàng hóa cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- **Công tác quản lý nguồn lực:** Cần chuyên nghiệp hơn để theo kịp với tình hình mới và sự phát triển của Công ty.
- **Công tác phát triển sản phẩm mới và phát triển thương hiệu:** Mặc dù đã có những sự thay đổi về cơ bản trong năm 2010 nhưng vẫn chưa theo kịp với kỳ vọng của Công ty. Cần phải đầu tư nhiều hơn nữa cả về con người lẫn nguồn lực để có những giải pháp đột phá.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực thi trách nhiệm quyền hạn của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại điều lệ Công ty, BKS trong năm 2010 đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

BKS chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2010 với các nội dung như sau :

I CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS:

Trong năm 2010 BKS tiến hành các hoạt động sau :

- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng Quản trị, xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, sản xuất, kinh doanh hàng tháng, quý của phòng Tài chính Kế toán cung cấp.
- Giám sát việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng Công ty.
- Xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua năm 2010 và tham gia ý kiến với Hội đồng Quản trị trong các vấn đề tổng kết, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011 và phương án phân chia lợi nhuận năm 2010.

Nhìn chung trong quá trình hoạt động của mình, BKS được Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

II KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

Sau một năm thực hiện các biện pháp quản lý kinh doanh năm 2010 về cơ bản Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Báo cáo Tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam (AASCS) là đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức niêm yết.

BKS đánh giá một số nội dung liên quan đến công tác quản lý tài chính và kế toán của Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty đã tuân thủ tốt các quy định và quy chế đã được ban hành. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, kịp thời phát hiện các vấn đề, đưa ra các kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- BKS đồng ý và đánh giá tốt chính sách cắt giảm chi phí và kiểm soát giá thành của Công ty thể hiện qua việc đảm bảo được chỉ tiêu tăng trưởng cũng như tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận.
- Đến hết năm 2010 BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của Công ty.
- BKS nhất trí thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ của HĐQT trình Đại hội thông qua.

Liên quan đến báo cáo kiểm toán năm 2010, BKS đồng ý với các ý kiến của đơn vị kiểm toán. Đối với khoản lưu ý trên báo cáo kiểm toán về việc hạch toán khoản lãi trả chậm năm 2010 của khách hàng Cuba, để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, BKS nhất trí với cách hạch toán kế toán do công ty lập. Vì trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu này, đối tác đã nhiều lần không thực hiện thanh toán đúng theo như cam kết.

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Số đầu năm	Số cuối năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.428.148.841.437	1.587.794.181.034
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	46.445.649.708	53.730.742.673
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.722.320.000	12.826.215.800
3	Các khoản phải thu	1.019.577.445.167	1.174.781.984.392
4	Hàng tồn kho	313.193.341.705	311.159.661.872
5	Tài sản ngắn hạn khác	35.210.084.857	35.295.576.298
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	175.120.087.220	145.429.555.550
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	137.582.937.911	112.325.781.432
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31.229.789.313	30.609.635.006
5	Lợi thế thương mại	-	-
6	Tài sản dài hạn khác	6.307.359.996	2.494.139.112
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.603.268.928.657	1.733.223.736.584
NGUỒN VỐN		Số đầu năm	Số cuối năm
I	NỢ PHẢI TRẢ	898.170.019.008	950.098.584.342
1	Nợ ngắn hạn	881.873.582.970	939.475.833.002
2	Nợ dài hạn	16.296.436.038	10.622.751.340
II	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	694.785.449.105	771.149.901.822
1	Vốn chủ sở hữu	689.878.750.894	766.243.203.611
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	4.906.698.211	4.906.698.211
III	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	10.313.460.544	11.975.250.419
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.603.268.928.657	1.733.223.736.584

Kết quả kinh doanh

TT	Chỉ Tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	% TH so với 2009	% TH so với KH 2010
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	465.488.608.339	868.000.000.000	583.023.157.136	125%	67,2%
2	Doanh Thu Thuần	5.255.162.390	45.071.000.000	45.429.104.499	864%	101%

NHẬN XÉT :

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Căn cứ vào kết quả trên, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận (101%) so với nghị quyết đề ra và gấp hơn 8 lần so với thực hiện năm 2009. Mặc dù chỉ tiêu doanh thu không đạt so với nghị quyết đề ra (67,2%), nhưng có tăng trưởng so với thực hiện năm 2009 (25%)

III KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ TRONG NỘI BỘ BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2010 BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty và cổ đông trong hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và trong nội bộ BKS của Công ty.

Đối với hoạt động giao dịch cổ phiếu tại thị trường chứng khoán năm 2010 BKS nhận thấy các thành viên đã thực hiện nghiêm túc quy trình công bố thông tin giao dịch nội bộ.

BKS cho rằng các Cán bộ Quản lý của Công ty đã thể hiện trách nhiệm cao trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2010 BKS đã cùng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở đó đã có những đề xuất trao đổi, tham giá ý kiến nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

V KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Từ các đánh giá về tình hình hoạt động và kết quả tài chính năm 2010 của Công ty, BKS đề nghị Đại hội thông qua báo cáo về tình hình hoạt động năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trình bày trước Đại hội.

Tốc độ phát triển về quy mô hoạt động của Công ty đang mở rộng, nên BKS đề nghị lãnh đạo chú trọng xây dựng và phát triển bộ máy hoạt động, giám sát của Công ty đảm bảo ngang tầm với tốc độ phát triển.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.

Xây dựng chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chiến lược của Ban Tổng Giám đốc để có những điều chỉnh kịp thời.

Chịu trách nhiệm xây dựng các tiêu chí để chọn lọc, bổ nhiệm và đánh giá kết quả làm việc hằng năm của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Xây dựng, phê duyệt và bổ sung, chỉnh sửa các quy chế, quy định liên quan đến chương



trình thưởng và chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động. Giám sát quá trình thực hiện của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai các chương trình này.

Các công việc khác thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

QUI MÔ CỦA HĐQT

HĐQT Công ty hiện nay gồm có 06 thành viên trong đó có 02 thành viên chiếm tỷ lệ 1/3 số lượng thành viên HĐQT là thành viên độc lập, không tham gia điều hành Công ty. So với thời điểm đầu năm 2010, số thành viên HĐQT đã giảm một thành viên do bà Hồ Thị Kim Thoa – nguyên Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty đã có đề nghị rút khỏi HĐQT được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn thuộc Bộ Công thương. Trên cơ sở số lượng thành viên HĐQT hiện có cũng như đánh giá khối lượng công việc mà các thành viên HĐQT phải đảm trách, HĐQT quyết định chưa cần thiết phải bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

CÁC TIỂU BAN HĐQT

Nhằm tăng tính hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành Công ty của Ban Tổng Giám đốc, trong năm qua HĐQT đã tiến hành nghiên cứu và đang trong quá trình xây dựng một số quy chế hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Theo kế hoạch trong năm 2011, HĐQT sẽ lựa chọn một số nhân sự để tham gia vào 02 tiểu ban là Tiểu ban về kế toán, tài chính và kiểm toán và Tiểu ban về khen thưởng.

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

Để đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh theo đúng định hướng đề ra, những tháng đầu năm 2010 HĐQT đã tiến hành nhiều cuộc họp định kỳ hàng tháng và khi hoạt động của Công ty đã đi vào ổn định, từ quý 3 các cuộc họp được tiến hành vào cuối mỗi quý. Ngoài các cuộc họp chính thức, HĐQT cũng tiến hành một số cuộc họp bất thường dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử.

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG BUỔI HỌP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ CUỘC HỌP		SỐ LẦN THAM DỰ
		Trực tiếp	Email, điện thoại, văn bản	
1	Ông Hồ Quỳnh Hưng	8	9	17
2	Ông Phạm Minh Thắng	8	9	17
3	Bà Nguyễn Thị Kim Vinh	8	9	17
4	Bà Võ Thị Huyền Lan	7	10	17
5	Ông Hồ Vĩnh Phương	7	10	17
6	Ông Dương Hồ Thắng	8	9	17

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận và xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

QUI MÔ CỦA BKS

BKS hiện nay gồm 03 thành viên trong đó có 01 thành viên là Trưởng Ban Kiểm soát, có năng lực về tài chính - kế toán và hiện đang đảm nhiệm nhiệm vụ kiểm soát nội bộ của Công ty. Trong năm 2010 có 01 thành viên BKS là Ông Nguyễn Hồng Chương xin rút tên ra khỏi BKS vì lý do cá nhân và ĐHCĐ thường niên năm 2010 đã bầu bổ sung thành viên mới là bà Nguyễn Hoàng Anh.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

Trong quá trình hoạt động, BKS đã thường xuyên liên lạc trao đổi ý kiến và tiến hành họp định kỳ hàng quý.

TT	THÀNH VIÊN BKS	SỐ CUỘC HỌP		SỐ LẦN THAM DỰ
		Trực tiếp	Email, điện thoại, văn bản	
1	Nguyễn Hoàng Anh	3	0	3
2	Nguyễn Bắc Sơn	2	0	2
3	Ngô Đức Thọ	3	0	3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BKS VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2010

BKS đồng ý và đánh giá tốt chính sách cắt giảm chi phí và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty thể hiện qua việc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, thay đổi chính sách về nhân sự, hoàn thiện quy trình quản lý, đào tạo và thu hút được nhiều

nhân viên mới có năng lực, trình độ cao mang lại sức mạnh cạnh tranh trên thị trường và hiệu quả cho công ty.

THAY ĐỔI TỶ LỆ GÓP VỐN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BKS

	31/12/2009	Thay đổi		31/12/2010
		Cổ phiếu thưởng	Mua thêm	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
Ông Hồ Quỳnh Hưng	459.840	137.952	0	597.792
Ông Phạm Minh Thắng	133.900	40.170	0	174.070
Bà Nguyễn Thị Kim Vinh	178.400	53.520	0	231.920
Bà Võ Thị Huyền Lan	480.000	144.000	0	624.000
Ông Hồ Vĩnh Phương	26.500	7.950	0	34.450
Ông Dương Hồ Thắng	145.380	43.614	0	188.994
BAN KIỂM SOÁT				
Bà: Nguyễn Hoàng Anh	7.530	2.259	0	9.789
Ông: Nguyễn Bắc Sơn	69.570	20.871	0	90.441

CÁC THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

• CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

	2009			2010		
	Số cổ phiếu	Số cổ đông năm giữ	Tỉ lệ %	Số cổ phiếu	Số cổ đông năm giữ	Tỉ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh Doanh vốn Nhà nước (SCIC)	3.000.000	1	15,96	3.900.000	1	15,93
Cổ đông nước ngoài.	1.087.690	69	5,79	1.162.679	67	4,75
Trong đó:						
Cá nhân:	234.220	57	1,25	313.261	57	1,28
Tổ chức:	893.470	12	4,54	849.318	10	3,47
Cổ đông trong nước (không bao gồm SCIC). Trong đó:	14.709.110	2232	78,25	19.412.100	2317	79,32
Cá nhân:	9.051.330	2124	48,15	17.737.462	2299	72,47
Tổ chức:	1.093.270	18	5,6	1.674.638	18	6,8
TỔNG CỘNG	18.796.800	2302	100	24.474.679	2385	100

THÔNG TIN CÁC CỔ ĐÔNG LỚN

Tên cổ đông	Địa chỉ	SL sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh Doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Số 6 Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.900.000	15,97%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Điện Quang hiện đang xây dựng kênh thông tin hiệu quả với các nhà đầu tư thông qua các hoạt động công bố thông tin định kỳ trên website của Công ty cũng như website của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Website của Công ty luôn được cập nhật đầy đủ và kịp thời những thông tin cho các cổ đông và nhà đầu tư liên quan đến tình hình thực hiện quyền của các cổ đông, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức một bộ máy quan hệ cổ đông với sự tham gia của một số nhân sự cấp cao, thực hiện vai trò tiếp nhận, xử lý và giải đáp những thắc mắc của nhà đầu tư, tổ chức cho các nhà đầu tư cá nhân và các nhà đầu tư tổ chức tìm hiểu thông tin và tham quan Công ty.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Bóng Đèn Điện Quang

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và các cổ đông của Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang được lập ngày 10 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 08 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Khoản lãi trả chậm năm 2010 từ Công ty Consumimport - CuBa đã được đối chiếu, xác nhận số tiền là 6.158.879 USD, đơn vị đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính một phần tương ứng với chi phí lãi vay Ngân hàng là 2.832.375 USD tương đương 55.094.827.787 đồng , phần lãi trả chậm còn lại là 3.333.503 USD được treo trên khoản phải trả khác, (theo ý kiến của đơn vị, khoản lãi phải thu do khách hàng Cu-Ba trả chậm được thực hiện theo Chương trình hợp tác liên Chính phủ Việt Nam - Cu-ba, thực tế cho thấy khả năng thu hồi khoản lãi trả chậm này là chưa chắc chắn, do đó để đảm bảo nguyên tắc thận trọng đơn vị chưa hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính).

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên (nếu có) Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



LÊ VĂN TUẤN

Chứng chỉ KTV số: D0479/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ TUYẾT

Chứng chỉ KTV số: 0624/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.587.794.181.034	1.428.148.841.437
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	53.730.742.673	46.445.649.708
1. Tiền	111		9.880.336.980	46.445.649.708
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.850.405.693	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.826.215.800	13.722.320.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	17.942.830.000	17.872.320.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.2	(5.116.614.200)	(4.150.000.000)
III. Các khoản phải thu	130		1.174.781.984.392	1.019.577.445.167
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	1.153.119.667.629	1.014.608.267.951
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	30.212.787.447	5.441.142.538
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	1.811.991.759	3.556.403.759
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(10.362.462.443)	(4.028.369.082)
IV. Hàng tồn kho	140		311.159.661.872	313.193.341.705
1. Hàng tồn kho	141	V.7	319.494.393.975	315.339.940.261
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(8.334.732.103)	(2.146.598.556)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.295.576.298	35.210.084.857
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	715.209.716	866.537.018
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.737.273.960	3.638.189.629
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	21.562.200.338	23.218.846.014
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	8.280.892.283	7.486.512.196
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.429.555.550	175.120.087.220
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		112.325.781.432	137.582.937.911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	83.517.668.366	105.219.135.409
Nguyên giá	222		300.989.785.025	299.458.289.130
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.472.116.659)	(194.239.153.721)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	27.114.871.638	27.526.596.241
Nguyên giá	228		29.731.733.625	29.731.733.625
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.616.861.987)	(2.205.137.384)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	1.693.241.428	4.837.206.261
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.609.635.006	31.229.789.313
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	10.609.635.006	11.229.789.313
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	20.000.000.000	20.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	270		2.494.139.112	6.307.359.996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	585.630.437	4.089.686.258
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	1.382.550.375	1.691.715.438
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	525.958.300	525.958.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.733.223.736.584	1.603.268.928.657

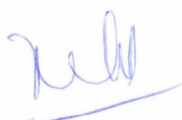
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		950.098.584.342	898.170.019.008
I. Nợ ngắn hạn	310		939.475.833.002	881.873.582.970
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	620.381.642.916	690.640.411.636
2. Phải trả cho người bán	312	V.20	39.213.491.816	45.323.314.807
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	19.099.816.811	1.257.842.998
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.22	3.225.323.814	2.742.387.814
5. Phải trả người lao động	315	V.23	9.353.340.490	3.280.463.040
6. Chi phí phải trả	316	V.24	174.195.038.815	118.972.030.211
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	66.621.131.133	6.904.855.800
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		64.785.427	91.922.000

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	7.321.261.781	12.660.354.664
II. Nợ dài hạn	330		10.622.751.340	16.296.436.038
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.27	5.558.556.365	5.267.592.422
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	4.724.939.512	10.851.725.802
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		63.454.214	63.454.214
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		11.628.600	13.663.600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		106.352.817	100.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		157.819.832	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		771.149.901.822	694.785.449.105
I. Vốn chủ sở hữu	410		766.243.203.611	689.878.750.894
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	244.246.790.000	187.968.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	344.394.675.475	400.673.465.475
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(4.812.142.000)	(3.315.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.29	94.496.987.062	40.906.946.880
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	7.879.252.613	47.920.856.905
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	12.362.456.551	12.159.336.918
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	67.675.183.910	3.565.144.715
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.906.698.211	4.906.698.211
2. Nguồn kinh phí	432	V.30	4.906.698.211	4.906.698.211
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		11.975.250.419	10.313.460.544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.733.223.736.584	1.603.268.928.657

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài	-	-	
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		789.699.438	789.699.438
CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
Nợ khó đòi đã xử lý		-	
Ngoại tệ các loại :			
Dollar Mỹ (USD)		91.321,95	105.651,71
Euro (EUR)		137,27	137,16
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011


LÊ THỊ KIM CHI
 Người lập biểu


DƯƠNG HỒ THẮNG
 Kế toán trưởng


HỒ QUỲNH HÙNG
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	593.815.253.410	479.457.548.590
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	10.792.096.274	13.968.940.251
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	583.023.157.136	465.488.608.339
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	424.116.134.005	394.493.297.453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		158.907.023.131	70.995.310.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	62.834.934.722	63.068.240.806
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	73.290.083.592	63.162.911.306
Trong đó: chi phí lãi vay	23		58.576.265.716	61.994.921.084
8. Chi phí bán hàng	24		56.999.238.421	39.288.506.689
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.438.307.930	33.040.829.506
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.014.327.910	(1.428.695.809)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	836.840.408	8.581.712.983
12. Chi phí khác	32	VI.6	41.150.697	310.132.503
13. Lợi nhuận khác	40		795.689.711	8.271.580.480
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(384.676.106)	(219.719.044)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.810.017.621	6.623.165.626
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	7.502.991.820	1.339.164.219
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(122.078.697)	28.839.018
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.429.104.499	5.255.162.390
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.673.694.956	1.081.987.879
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		43.755.409.542	4.173.174.511
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.10	2.258	222

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011


LÊ THỊ KIM CHI
 Người lập biểu


DƯƠNG HỒ THẮNG
 Kế toán trưởng


HỒ QUỲNH HÙNG
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.810.017.621	6.623.165.626
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		23.644.687.541	25.569.490.630
Các khoản dự phòng	03		12.657.122.764	(5.487.531.633)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	294.193.612
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.726.493.846)	(11.067.784.578)
Chi phí lãi vay	06		58.576.265.716	61.994.921.084
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		140.961.599.796	77.926.454.741
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(153.905.369.637)	(49.095.579.741)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.690.203.656)	34.603.005.007
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		118.936.845.568	(31.813.719.701)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.655.383.123	5.582.207.248
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.217.799.622)	(10.919.375.348)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.138.561.033)	(591.729.638)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.282.835.182	160.830.232
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		15.757.289.664)	(3.804.817.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.127.440.057	22.047.275.642
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.692.338.874)	(6.660.634.049)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		51.140.000	111.814.096
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(70.510.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.658.540.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.650.730.018	10.642.043.151

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		1.939.021.144	13.751.763.198
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(20.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		83.024.352.603	229.582.125.194
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(150.042.261.151)	(220.763.880.105)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.796.800.000)	(9.026.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(85.834.708.548)	(208.114.911)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.231.752.653	35.590.923.929
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		46.445.649.708	10.775.600.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		53.340.312	79.125.637
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	53.730.742.673	46.445.649.708

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011



LÊ THỊ KIM CHI
Người lập biểu



DƯƠNG HỒ THẮNG
Kế toán trưởng




HỒ QUỲNH HÙNG
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần bóng đèn Điện Quang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần bóng đèn Điện Quang và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán			Đơn vị tính: VND
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm	
1.1- Tiền mặt	1.671.887.396	1.387.840.781	
1.2- Tiền gửi ngân hàng	9.798.655.277	11.057.808.927	
1.3- Các khoản tương đương tiền	42.260.200.000	34.000.000.000	
Cộng	53.730.742.673	46.445.649.708	

2. Đầu tư ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	17.942.830.000	17.872.320.000
2.2- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.116.614.200)	(4.150.000.000)
Cộng	12.826.215.800	13.722.320.000
2.1- Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn đến ngày 31/12/2010		
Ngân hàng Vietcombank - (54.639 cổ phiếu)		5.246.390.000
Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn (50.000 cổ phiếu)		3.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định - (562.500 cổ phiếu)		9.000.000.000
Ngân hàng Công Thương VN - (11.616 cổ phiếu)		196.440.000
Cộng		17.942.830.000

2.2- Chi tiết các khoản dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đến ngày 31/12/2010		
	Số trích lập dự phòng cuối kỳ	Giá trị thuần cuối kỳ
Ngân hàng Vietcombank (*)	3.575.000.000	1.671.390.000
Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn (**)	1.541.614.200	1.958.385.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	-	9.000.000.000
Ngân hàng Công Thương VN		196.440.000
Cộng	5.116.614.200	12.826.215.800

(*) Đơn vị đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn cho mã chứng khoán này dựa theo giá đóng cửa của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2010.

(**) Đơn vị đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn cho mã chứng khoán này dựa theo giá giao dịch của một số Công ty Chứng Khoán thống kê tại bảng giá trên websise : Stocknews.vn tại ngày 31/12/2010

3. Chi tiết phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Consumimport (Cu Ba) (56.404.287,87 USD) (*)	1.116.966.889.116	948.002.542.623
Bariven, S.A. C/O Pdvsa Services Inc.(263.012,88USD)		38.485.167.336
Công ty ĐT XD và XNK Việt Nam (Constrexim Holdinds)	5.500.000.000	5.500.000.000
Các khoản phải thu khác	30.652.778.513	22.620.557.992
Cộng	1.153.119.667.629	1.014.608.267.951

Ghi chú:

(*) Khoản công nợ phải thu Công ty Consumimport - CuBa đã quá hạn thanh toán thuộc đối tượng đủ điều kiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định tại Thông tư số 228/2009-TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính; Đây là khoản công nợ phát sinh từ hợp đồng bán hàng theo Chương trình hợp tác liên Chính Phủ giữa hai nước Việt Nam - Cuba.

Đơn vị đã có Công văn số 146/TBCP ngày 31 tháng 05 năm 2010 của văn phòng Chính Phủ cho phép đơn vị không phải trích lập dự phòng đối với khoản công nợ nêu trên.

4. Trả trước cho người bán		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sam Myung Eng Co., Ltd.	511.164.000	484.407.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Khoa		19.025.298.363
Các khoản trả trước khác	11.187.489.084	5.441.142.538
Cộng	30.212.787.447	5.441.142.538

5. Các khoản phải thu khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu chế độ bảo hiểm xã hội		1.062.410.011
Mua hàng hộ và khoản cho Công ty CP Điện Quang Scope vay	1.811.991.759	70.059.781
Công ty TNHH TV Giải Pháp DN Doanh Gia - Hỗ trợ khuyến mãi		300.000.000
Các khoản phải thu khác		2.104.844.753
Cộng	1.811.991.759	3.556.403.759

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	(4.028.369.082)	(4.028.369.082)
Trích lập thêm trong kỳ		(6.334.093.361)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ		
Số cuối kỳ	(10.362.462.443)	(4.028.369.082)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
7.1- Giá gốc của hàng tồn kho	319.494.393.975	315.339.940.261
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu (**)	183.806.664.682	191.868.484.256
Công cụ, dụng cụ	639.034.540	560.960.956
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.525.104.184	26.821.534.609
Thành phẩm (**)	51.107.343.835	58.081.384.513
Hàng hóa	51.416.246.733	38.007.575.927
7.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.334.732.103)	(2.146.598.556)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho(*)	311.159.661.872	313.193.341.705
Ghi chú (*): Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến 31/12/2010	32.525.104.184	
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.225.512.023	
+ Chi phí công trình XD CB dở dang, trong đó:	17.299.592.161	
(**): Trong đó trị giá nguyên vật liệu, thành phẩm là 111.240.894.264 đồng đã được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh Sài Gòn), để được Ngân hàng cấp bảo lãnh 8.378.413,23 USD thực hiện hợp đồng số 4600034282 ngày 19/3/2010 đã ký giữa Công ty và công ty PDSA Industrial S.A,Venezuela.		

8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả trước ngắn hạn đầu năm	866.537.018	2.073.894.202
Chi phí trả trước ngắn hạn tăng trong kỳ	6.885.904.319	4.063.750.385
Chi phí trả trước ngắn hạn kết vào chi phí trong kỳ	(7.037.231.621)	(5.271.107.569)
Chi phí trả trước ngắn hạn cuối năm	715.209.716	866.537.018
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.954.000
Thuế nhập khẩu của NVL nhập để sx hàng hóa xuất khẩu	4.485.898.186	252.044.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	17.029.550.560	22.947.595.077
Các khoản khác nộp thừa	46.751.592	17.252.481
Cộng	21.562.200.338	23.218.846.014

10. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	6.902.707.619	6.583.806.976
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	723.497.214	241.287.214

Tài sản thiếu chờ xử lý	654.687.450	661.418.006
Cộng	8.280.892.283	7.486.512.196

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình: Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
A - Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	47.078.126.742	232.615.796.078	16.997.970.368	2.766.395.942	9.458.289.130
Tài sản cố định tăng trong năm	-	359.883.705	812.104.440	155.300.490	1.802.896.116
- Mua trong năm	-	359.883.705	812.104.440	155.300.490	1.327.288.635
- Đầu tư XD CB hoàn thành	475.607.481				475.607.481
- Tăng khác					-
Tài sản cố định giảm trong năm		271.400.221			271.400.221
- Chuyển sang BĐS Đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		271.400.221			271.400.221
Số dư cuối năm	47.078.126.742	232.704.279.562	17.810.074.808	2.921.696.432	300.989.785.025

B - Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	25.495.475.334	158.851.649.424	7.914.163.477	1.977.865.486	4.239.153.721
Khấu hao TSCĐ tăng trong năm	2.058.666.039	19.174.178.065	1.804.066.099	408.918.781	23.445.828.984
- Khấu hao trong năm	2.058.666.039	19.174.178.065	1.804.066.099	408.918.781	23.445.828.984
Khấu hao TSCĐ giảm trong năm	-	212.866.046	-	-	212.866.046
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		212.866.046			212.866.046
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	27.554.141.373	177.812.961.443	9.718.229.576	2.386.784.267	217.472.116.659

C - Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	21.582.651.408	73.764.146.654	9.083.806.891	788.530.456	105.219.135.409
- Tại ngày cuối năm	19.523.985.369	54.891.318.119	8.091.845.232	534.912.165	83.517.668.366

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là 40.398.103.034 đ đã được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.425.176.579 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phẩm mềm máy tính	Cộng
A - Nguyên giá TSCĐ vô hình			
1. Số dư đầu năm	27.014.120.563	2.717.613.062	29.731.733.625
2. Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm			
- Đầu tư XDCB hoàn thành			
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			
4. Số dư cuối kỳ	27.014.120.563	2.717.613.062	29.731.733.625
B - Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu năm	1.787.576.641	417.560.743	2.205.137.384
2. Khấu hao trong năm	111.253.487	296.536.541	407.790.028
3. Giảm trong năm			
4. Số dư cuối năm	1.898.830.128	718.031.859	2.616.861.987
C - Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
1. Tại ngày đầu năm	25.226.543.922	2.300.052.319	27.526.596.241
2. Tại ngày cuối năm	25.115.290.435	1.999.581.203	27.114.871.638

Ghi chú: (*) Trong đó có quyền sử dụng đất ở 119 Hàm Nghi và quyền sử dụng đất ở 20 Lê Công Kiều có thời gian sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao. Các quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng thế chấp số 1501/2009/HĐ ngày 14 tháng 05 năm 2009 để đảm bảo cho các khoản vay.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 22.115.290.435 đồng

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý: không phát sinh.

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình XDCB	1.044.012.609	1.044.012.609
Máy đo mức TT (Xí nghiệp Phả Lại)	-	144.796.930
Sản xuất ống TT thử mẫu	-	1.045.758.921
Dây chuyền sản xuất vỏ bóng Compact	-	194.057.918
Lắp phân xưởng HQ vòng	464.340.265	629.680.329
Hệ thống chiếu sáng dự phòng	-	14.905.650
Chi phí lắp đặt DC đèn T5	-	601.465.468

Trùng, đại tu PX đầu đèn	-	19.301.000
Các công trình XDCB khác chưa hoàn thành	184.888.554	1.143.227.436
Cộng	1.693.241.428	4.837.206.261

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Số cuối năm	Số đầu năm
Tên công ty liên kết	Theo giấy phép (%)	Thực góp (%)		
Công ty cổ phần Điện Quang Scope	40,00	31,44	10.609.635.006	11.229.789.313
Cộng			10.609.635.006	11.229.789.313

• Khoản lỗ đã được hạch toán theo phương pháp vốn chủ trừ vào trị giá khoản đầu tư này là : 1.216.394.450 đ.

• Trị giá thuần khoản đầu tư vào công ty Cổ phần Điện Quang Scope theo phương pháp vốn chủ là: 10.609.635.006 đ

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần quản lý quỹ Bản Việt	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	375.795.565	607.756.463
Chi phí quảng cáo	65.910.000	68.520.326
Chi phí sửa chữa văn phòng		134.965.019
Sửa chữa dây chuyền Impact	143.924.872	
Chi phí hỗ trợ di dời		3.278.444.450
Cộng	585.630.437	4.089.686.258

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (TSTTNHL)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

	Số cuối năm	Số phát sinh trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số đầu năm
- TSTTNHL liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.382.550.375		200.844.142	1.691.715.438
- TSTTNHL liên quan đến khoản lỗ chưa sử dụng			-	
- Số cuối năm	1.382.550.375	-	200.844.142	1.691.715.438

18. Tài sản dài hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	525.958.300	525.958.300
Cộng	525.958.300	525.958.300

19. Vay và nợ ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số Đầu năm
19.1- Vay ngắn hạn	122.055.327.547	189.470.977.240
a) Vay Việt Nam đồng	18.708.433.493	38.452.413.824
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh quận 4	-	23.655.962.518
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Sài Gòn	158.062.465	158.062.465
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	-	2.932.650.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11.550.371.028	11.555.738.841
Vay tổ chức cá nhân khác	-	150.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	7.000.000.000	-
b) Vay ngoại tệ	103.346.894.054	151.018.563.416
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CNquận 4 (0 USD)	-	3.779.198.092
Ngân hàng Công thương VN - CN quận 4	-	3.779.198.092
Ngân hàng ĐT và PTVN - CN SG (5.458.847,14 USD) (a)	103.346.894.054	147.239.365.324
19.2- Nợ dài hạn đến hạn trả	498.326.315.369	501.169.434.396
Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam		41.250.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 (b) <i>Trong đó: lãi ân hạn là 139.664.216.195 đ</i>	492.268.075.369	492.268.075.369
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Sài Gòn (320.000,00 USD)	6.058.240.000	8.860.109.027
Cộng	620.381.642.916	690.640.411.636
(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thực tế từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và đã được đối chiếu xác nhận đến 31/12/2010.		
(b) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 2 để thực hiện hợp đồng xuất khẩu bóng đèn compact với nhà nhập khẩu Consumimport (Cu Ba) với lãi suất 0,75%/ tháng.		
Căn cứ Công văn số 146/TBCP ngày 31 tháng 05 năm 2010 của văn phòng Chính Phủ. Khoản vay này đã được khoanh nợ cho phù hợp với tiến độ trả nợ của Consumimport (Cu Ba) như trình bày tại mục 3		
phần thuyết minh,và không phải tính lãi quá hạn. Khoản vay này đã được đối chiếu xác nhận đến 31/12/2010.		

20. Phải trả cho người bán		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Susung Lighting Co, Ltd- 263.321,93 USD	4.994.971.361	4.733.508.408
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Khoa		2.315.734.159

Các khoản phải trả cho người bán	34.218.520.455	38.274.072.240
Cộng	39.213.491.816	45.323.314.807

21. Người mua trả tiền trước		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mohammad Sameer Al Khouli Company-8.978,6 USD	166.499.158	
Bariven, S.A. C/O Pdvsa Services Inc. 212,691.33USD	4.026.672.260	
Các khoản người mua nước ngoài trả trước khác	14.906.645.393	1.257.842.998
Cộng	19.099.816.811	1.257.842.998

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	648.182.010	788.589.156
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.439.670.985	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	842.658.818
Thuế thu nhập cá nhân	911.686.441	977.749.441
Các loại thuế khác	225.784.378	133.390.399
Cộng	3.225.323.814	2.742.387.814
* Thuế giá trị gia tăng		
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0% hàng tiêu thụ trong nước là 10%		
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		

23. Phải trả người lao động		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương còn phải trả người lao động	9.353.340.490	3.280.463.040
Cộng	9.353.340.490	3.280.463.040
24. Chi phí phải trả		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng môi giới hàng xuất khẩu Cuba	8.819.254.788	8.819.254.788
Lãi vay phải trả	163.781.940.449	109.413.340.440
Chi phí phải trả khác	1.593.843.578	739.434.983
Cộng	174.195.038.815	118.972.030.211

Ghi chú: (*) Trong đó, lãi ân hạn là:139.664.216.195 đồng

25. Các khoản phải trả phải nộp khác			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Vay của Công đoàn Bộ	-	350.000.000	
Kinh phí công đoàn	1.382.291.068	1.552.131.799	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	385.017.776	
Tài sản thừa chờ xử lý	-	4.227.733	
Doanh thu chưa thực hiện - Lãi chậm trả Cuba (3.333.503 USD)	63.109.882.887	4.546.325.669	
Tiền cổ tức phải trả	516.288.165	162.725.665	
Các khoản phải trả khác	1.612.669.013	254.427.158	
Cộng	66.621.131.133	6.904.855.800	

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
	Năm nay		
Số đầu năm	12.660.354.664		
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	700.081.674		

29. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Diễn giải	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Số dư đầu năm trước	187.968.000.000	400.673.465.475	(3.315.000.000)		47.342.833.126	11.604.509.918	6.994.829.745	651.268.638.264
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	40.906.946.880	578.023.779	554.827.000	4.173.174.511	4.173.174.511
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.830.062.497	44.869.860.156
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(10.432.922.037)	(10.432.922.037)
phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(7.518.720.000)	(7.518.720.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.914.202.037)	(2.914.202.037)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	187.968.000.000	400.673.465.475	(3.315.000.000)	40.906.946.880	47.920.856.905	12.159.336.918	3.565.144.716	689.878.750.894
Số dư đầu năm nay	187.968.000.000	400.673.465.475	(3.315.000.000)	40.906.946.880	47.920.856.905	12.159.336.918	3.565.144.715	689.878.750.894
Tăng vốn trong kỳ này	56.278.790.000	-	-	-	-	-	-	56.278.790.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	43.755.409.542	43.755.409.542
Tăng khác	-	-	-	108.485.958.788	-	208.658.726	40.060.170.052	148.754.787.566
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(56.278.790.000)	-	(54.895.918.606)	(40.041.604.292)	(5.539.093)	(19.705.540.400)	(172.424.534.392)
phiếu	-	-	-	-	-	-	(18.796.800.000)	(18.796.800.000)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(908.740.400)	(908.740.400)
- Giảm khác	-	(56.278.790.000)	-	(54.895.918.606)	(40.041.604.292)	5.539.093	(151.221.851.992)	(151.221.851.992)
Số dư cuối kỳ này	244.246.790.000	344.394.675.475	(4.812.142.000)	94.496.987.062	7.879.252.613	12.362.456.551	67.675.183.910	766.243.203.611

- Chia cổ tức năm 2009	18.796.800.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính	208.658.726
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	700.081.674
Tổng cộng	19.705.540.400

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tiếp)			
	Năm nay		
Chi quỹ trong kỳ	(6.039.174.557)		
Số cuối năm	7.321.261.781		

27. Phải trả dài hạn người bán			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Sam Myung Eng	5.558.556.365	5.267.592.422	
Cộng	5.558.556.365	5.267.592.422	

28. Vay và nợ dài hạn			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Vay dài hạn ngân hàng	4.724.939.512	10.851.725.802	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam- CN Sài Gòn	4.724.939.512	10.851.725.802	
Cộng	4.724.939.512	10.851.725.802	

b1. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	15,96	47.446.894.884	38.464.800.000
Vốn góp của các cổ đông	84,04	196.799.895.116	149.503.200.000
Cộng	100,00	244.246.790.000	187.968.000.000

Thặng dư vốn cổ phần		Số cuối năm	Số đầu năm
b2.Thặng dư vốn cổ phần (*)		344.394.675.475	400.673.465.475
b3. Cổ phiếu quỹ		(4.812.142.000)	(3.315.000.000)

Ghi chú (*): Thặng dư vốn cổ phần giảm trong kỳ 56.278.790.000 đồng là do đơn vị hạch toán chia cổ phiếu thưởng 2009 tương đương (30%) vốn điều lệ phải trả cổ đông theo nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 28/04/2010.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
+ Vốn góp đầu năm	187.968.000.000	187.968.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	56.278.790.000	
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	244.246.790.000	187.968.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia(*)		
+ Chia cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt (10%/ vốn).	18.796.800.000	7.518.720.000
+ Chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu	56.278.790.000	
Cộng	75.075.590.000	7.518.720.000

Theo công văn chấp thuận của SGD Chứng khoán Nhà nước số 44/2011/SGHCM-NY ngày 10 tháng 01 năm 2011 đã chấp thuận nguyên tắc cho việc niêm yết bổ sung 5.910.897 cổ phiếu bao gồm 283.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức theo chương trình Esop được chuyển đổi sang cổ phiếu phổ thông và 5.627.875 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán :

- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e) Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.424.679	18.796.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.424.679	18.796.800
+ Cổ phiếu phổ thông	24.141.679	18.513.800
+ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	283.000	283.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(78.270)	(35.000)
+ Cổ phiếu phổ thông	(78.270)	(35.000)

+ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.346.409	18.761.800
+ Cổ phiếu phổ thông (lưu hành thực tế)	24.063.409	18.478.800
+ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	283.000	283.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

f) Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển (*)	7.879.252.613	47.920.856.905
Quỹ dự phòng tài chính	12.362.456.551	12.159.336.918
Cộng	20.241.709.164	60.080.193.823

Ghi chú (*) Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên của Công ty quyết định giảm quỹ này tăng lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền là 40.000.000.000 đồng; Theo qui định về chế độ kế toán hiện hành thì quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

30. Nguồn kinh phí	Năm nay
Số đầu năm	4.906.698.211
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	
Chi sự nghiệp trong năm	
Số cuối năm	4.906.698.211

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu (*)	593.815.253.410	479.457.548.590
+ Doanh thu xuất khẩu	211.023.190.317	127.183.631.150
+ Doanh thu nội địa	382.792.063.093	352.273.917.440
Các khoản giảm trừ doanh thu:	10.792.096.274	13.968.940.251
+ Chiết khấu hàng bán	7.127.190.331	3.635.273.563
+ Hàng bán bị trả lại	3.664.905.943	10.333.666.688
Doanh thu thuần	583.023.157.136	465.488.608.339

2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	424.116.134.005	394.493.297.453
Cộng	424.116.134.005	394.493.297.453

Chi tiết giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
+ Giá vốn bán thành phẩm	47.115.618.466	286.948.071.195
+ Giá vốn bán hàng hóa	327.856.139.760	28.615.312.506
+ Giá vốn hàng bán nguyên liệu	16.095.517.099	18.044.953.443
+ Giá vốn tiêu dùng khuyến mại	2.554.398.104	-
+ Giá vốn khác	-	441.414.686

Chi tiết giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
+ Giá vốn công trình xây dựng	18.471.236.163	7.647.471.937
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.023.224.413	(2.244.568.087)
Cộng	424.116.134.005	339.452.655.680

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.395.220.557	1.990.755.483
Lãi trả chậm (*)	55.065.708.586	51.421.358.650
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.089.376.918	654.062.462
Lãi cho vay	119.060.380	-
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào Cty TNHH Dây cáp ĐQ Taisin	-	3.775.436.211
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.481.250.000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.131.825.200	3.745.378.000
Doanh thu tài chính khác	1.033.743.081	-
Cộng	62.834.934.722	63.068.240.806

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	58.576.265.716	61.994.921.084
Chi phí tài chính khác	240.370.697	38.027.652
Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán	1.724.340.844	(6.280.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.573.134.832	7.197.670.833
Khoản lỗ khi bán chứng khoán	175.971.503	212.291.737
Cộng	73.290.083.592	63.162.911.306

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhượng bán tài sản cố định thanh lý	214.215.272	111.814.096
Thu nhập do xóa sổ khoản vay từ Quỹ viện trợ Sida	-	1.665.930.680

Thu nhập hỗ trợ chi phí bán hàng	-	300.000.000
Thu nhập từ Constrexim	-	5.500.000.000
Thu nhập khác	622.625.136	1.003.968.207
Cộng	836.840.408	8.581.712.983

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	111.814.096	33.877.393
Các khoản thuế bị tuy thu		42.225.800
Chi phí khác	(70.663.399)	234.029.310
Cộng	41.150.697	310.132.503

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.141.751.581	214.991.985.792
Chi phí nhân công	47.361.691.714	40.446.526.868
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.857.553.587	26.843.757.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.543.236.711	30.607.548.355
Chi phí bằng tiền khác	10.599.290.375	10.597.749.167
Cộng chi phí sản xuất theo yếu tố	368.503.523.968	323.487.567.330

8. Thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT, BKS và thu nhập cán bộ chủ chốt	2.573.289.564	1.835.503.300
Cộng	2.573.289.564	1.835.503.300

9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho cuối kỳ		(9.244.404)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản khấu hao chưa sử dụng		(112.834.293)
Cộng		(122.078.697)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm

CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.755.409.542	4.173.174.511
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.755.409.542	4.173.174.511
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.381.540	18.770.550
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.258	222
	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.761.800	18.761.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 28/04 năm 2010	663.010	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(43.270)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.381.540	18.761.800

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Trị giá giao dịch trong năm	Số dư đến ngày 31/12/2010
Công ty Cổ phần Điện Quang scope	Công ty liên doanh	- Bán hàng - Mua hàng	1.759.875.740 -	

2. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm 2010, quy định hiện hành về việc trình bày những chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối kế toán được thực hiện theo Quyết định số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính. Số dư đầu kỳ cũng đã được trình bày lại cho phù hợp.

3. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011

LÊ THỊ KIM CHI
Người lập biểu

DƯƠNG HỒ THẮNG
Kế toán trưởng



HỒ QUỲNH HƯNG
Tổng Giám đốc



Ủng hộ xây dựng hệ thống chiếu sáng tượng đài Thánh Gióng, công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội



Ông Hồ Quỳnh Hưng - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD,
cùng CBCNV Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang

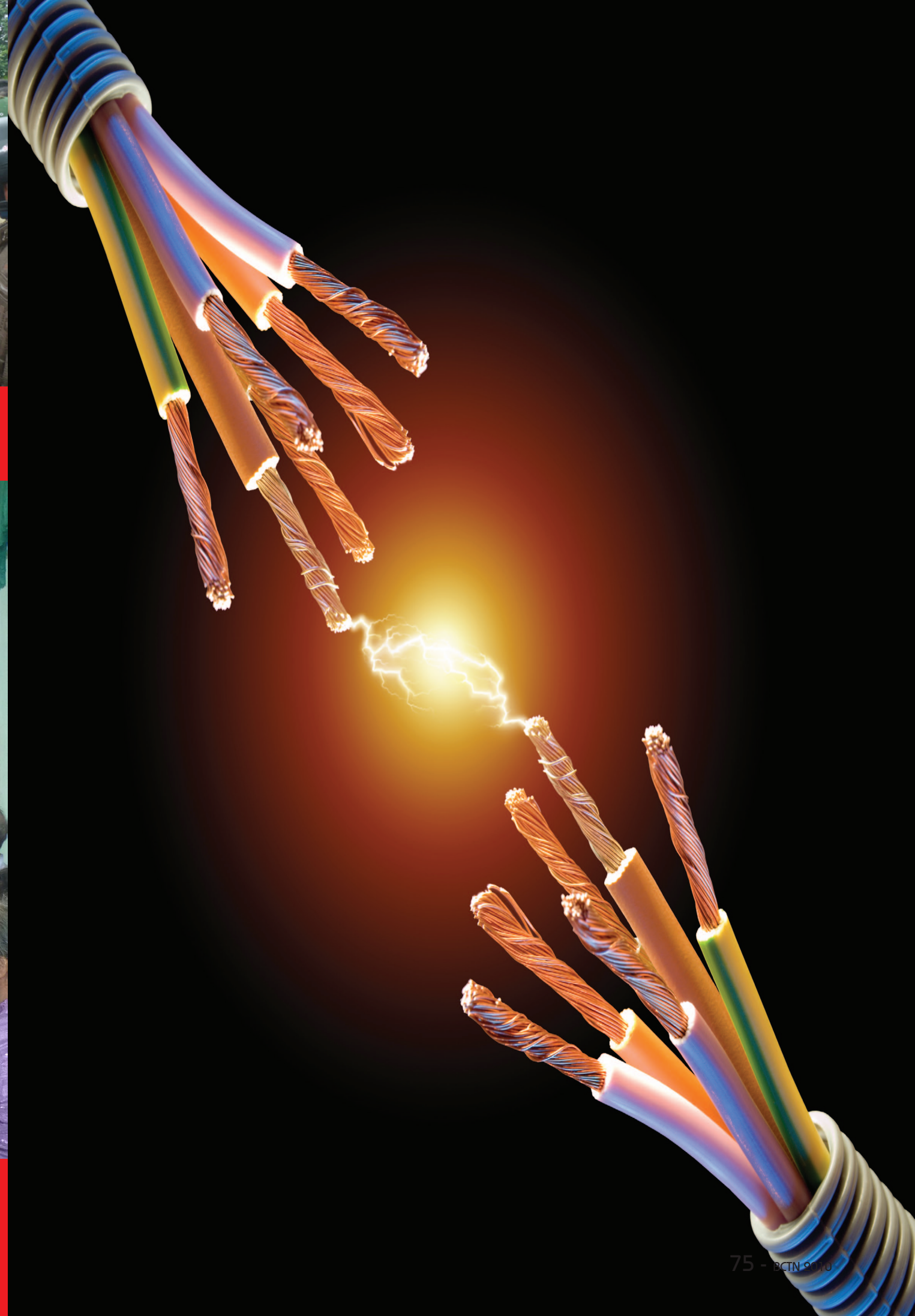
Thăm hỏi và tặng quà các em nhỏ khuyết tật tại Mái ấm Thiện Duyên , Tp.HCM



Ông Hồ Quỳnh Hưng - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
và Bà Phạm Huyền Nga - Chủ tịch Công đoàn

Phát thưởng học sinh giỏi năm học 2009 - 2010 cho con em CBCNV Điện Quang

Điện Quang tích cực tham gia cứu trợ bão lụt các tỉnh Miền Trung qua Công đoàn Công thương và cứu trợ trực tiếp tại huyện Thạch Hà - Hà Tĩnh.





Ở ĐÂU CÓ ĐIỆN, Ở ĐÓ CÓ ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 125 Hàn Nghi, Quận 1, Tp. HCM
ĐT: +84. 8. 38290135 - Fax: +84. 8. 38251518
Email: info@dienquang.com - Web: www.dienquang.com